

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KẾ TOÁN

Tên chương trình (tiếng Việt): **KẾ TOÁN**

Tên chương trình (tiếng Anh): **Accounting**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: 8340301

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Tài Chính Kế Toán

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): KẾ TOÁN

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Accounting

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã ngành đào tạo: 8340301

Lĩnh vực: Kinh doanh quản lý

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo này được xây dựng theo định hướng đăng ký đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo theo *tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (MOET)*, từ năm 2019 .

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu)

Mục tiêu tổng quát

Đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán theo hướng nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán. Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo, có kỹ năng và kiến thức để thực hiện các công việc chuyên môn cao trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả cao trong điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

Người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

a. Kiến thức

Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về chuyên ngành kế toán, kiểm toán để thiết kế các công việc tổ chức và quản trị công tác kế toán, kiểm toán, Phân tích, đánh giá các thông tin trên báo cáo tài chính nhằm dự báo được tình hình tài chính cho các đối tượng có liên quan.

b. Kỹ năng

Có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo, có nhận thức, để nghiên cứu và định hướng ngành nghề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, phân tích, đánh giá, nghiên cứu, để giải quyết và cung cấp các thông tin trên báo cáo tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khả năng đưa ra những sáng kiến quan trọng; Thách nghi, và hướng dẫn người khác. Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có đạo đức, thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp bản thân. Tự chịu trách nhiệm trong công việc kế toán – kiểm toán ở những môi trường khác nhau.

1.2. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng)

Mục tiêu tổng quát

Đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán theo hướng ứng dụng trong lĩnh vực kế toán. Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng định hướng dịch vụ, có kỹ năng và kiến thức để thực hiện các công việc chuyên môn cao trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả cao trong điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

Người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

a. Kiến thức

Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về chuyên ngành kế toán, kiểm toán để thực hiện các công việc tổ chức và quản trị công tác kế toán, kiểm toán, Phân tích, tổng hợp các

thông tin trên báo cáo tài chính nhằm dự báo được tình hình tài chính cho các đối tượng có liên quan.

b. Kỹ năng

Có khả năng định hướng ngành nghề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, phân tích, tổng hợp để giải quyết và cung cấp các thông tin trên báo cáo tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khả năng Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Mặt khác, có khả năng quản lý và cải tiến các hoạt động chuyên môn về kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có đạo đức, thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học để phát triển nghề nghiệp bản thân. Tự chịu trách nhiệm trong công việc kế toán – kiểm toán ở những môi trường khác nhau.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

2.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Nghiên cứu, phân tích và biện luận về khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C3, C4
PLO1.1	Phân tích và biện luận khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C3
PLO1.2	Sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để phát triển tri thức mới.	C4
PLO2	Tổng hợp và đánh giá chuyên sâu các vấn đề phức tạp liên quan đến ngành kế toán.	C5

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
PLO2.1	Tổng hợp và đánh giá các kiến thức chuyên sâu về tài chính, kế toán.	C5
PLO2.2	Tổng hợp và đánh giá các chiến lược, chính sách một cách có hệ thống về kế hoạch, quản lý điều hành, giám sát liên quan lĩnh vực tài chính, kế toán.	C5
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Tổng hợp, phân tích, giải thích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán.	P4
PLO3.1	Tổng hợp, phân tích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán để phục vụ cho việc nghiên cứu.	P4
PLO3.2	Kết hợp được các kỹ năng đơn giản để thực hiện kỹ năng phức tạp để lập báo cáo tài chính, báo cáo nội bộ, báo cáo phân tích nhằm cung cấp thông tin cho việc ra quyết định.	P4
PLO4	Tự tìm kiếm, nghiên cứu, tổng hợp được tài liệu, thông tin, bằng chứng khoa học để khám phá vấn đề mới.	P4
PLO5	Phân tích chuyên sâu các quan điểm khoa học để có thể phản biện, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.	A4
c	Kỹ năng tương tác	
PLO6	Truyền đạt và trao đổi kết quả công việc liên quan đến nghề nghiệp kế toán bằng tiếng Việt hay tiếng Anh.	P3
PLO6.1	Thể hiện đúng về chuyên đề, báo cáo thực tập, luận văn đã thực hiện.	P3
PLO6.2	Sử dụng kỹ năng ngoại ngữ để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán.	P3

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO7	Nhận diện được bối cảnh kinh tế xã hội để tạo ra những hiểu biết mới hoặc giải quyết câu hỏi nghiên cứu đặt ra.	R4
PLO8	Xây dựng được quy trình kiểm soát, hoạch định kế hoạch tài chính, đánh giá tình hình tài chính để quyết định hoặc tham mưu ra quyết định của đơn vị.	P4

2.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Phân tích và biện luận về khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C3, C4
PLO1.1	Phân tích và biện luận khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C3
PLO1.2	Sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để phát triển tri thức mới.	C4
PLO2	Tổng hợp và đánh giá chuyên sâu các vấn đề phức tạp liên quan đến ngành kế toán.	C5
PLO2.1	Tổng hợp và đánh giá các kiến thức chuyên sâu về tài chính, kế toán.	C5
PLO2.2	Tổng hợp và đánh giá các chiến lược, chính sách một cách có hệ thống về kế hoạch, quản lý điều hành, giám sát liên quan lĩnh vực tài chính, kế toán.	C5
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Tổng hợp, phân tích, giải thích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán.	P4
PLO3.1	Tổng hợp, phân tích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán để phục vụ cho việc nghiên cứu.	P4
PLO3.2	Kết hợp được các kỹ năng đơn giản để thực hiện kỹ năng phức tạp để lập báo cáo tài chính, báo cáo nội bộ, báo cáo phân tích nhằm cung cấp thông tin cho việc ra quyết định.	P4
PLO4	Tự tìm kiếm, nghiên cứu, tổng hợp được tài liệu, thông tin, bằng chứng khoa học để khám phá vấn đề mới.	P4

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
PLO5	Phân tích chuyên sâu các quan điểm khoa học để có thể phản biện, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.	A4
c	Kỹ năng tương tác	
PLO6	Truyền đạt và trao đổi kết quả công việc liên quan đến nghề nghiệp kế toán bằng tiếng Việt hay tiếng Anh.	P3
PLO6.1	Thể hiện đúng về chuyên đề, báo cáo thực tập, luận văn đã thực hiện.	P3
PLO6.2	Sử dụng kỹ năng ngoại ngữ để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán.	P3
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO7	Nhận diện được bối cảnh kinh tế xã hội để tạo ra những hiểu biết mới.	R4
PLO8	Xây dựng được quy trình kiểm soát, hoạch định kế hoạch tài chính, đánh giá tình hình tài chính để quyết định hoặc tham mưu ra quyết định của đơn vị.	P4

3. Khối lượng học tập

3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	7%
2	Học phần chuyên ngành	29 tín chỉ	48%
3	Các chuyên đề nghiên cứu, thực tập	12 tín chỉ	20%
4	Luận văn	15 tín chỉ	25%
Tổng số tín chỉ tích lũy		60 tín chỉ	100%

3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	7%
2	Học phần chuyên ngành, đồ án học phần, chuyên đề	40 tín chỉ	67%
3	Thực tập	8 tín chỉ	13%
4	Đề án	8 tín chỉ	13%
Tổng		60 tín chỉ	100%

4. Thời gian đào tạo

Thời gian thiết kế: 1,5 năm.

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo tối đa bao gồm thời gian thiết kế và thời gian được phép kéo dài được quy định trong Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Văn bằng tốt nghiệp

Cấp bằng Thạc sĩ khi người học hoàn thành chương trình đào tạo, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và đáp ứng đủ các điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo sau đại học của Trường.

6. Chuẩn đầu vào

Người học có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương và đáp ứng các tiêu chuẩn xét tuyển hoặc thi tuyển đầu vào của Trường.

Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp được dự thi/xét tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi/xét tuyển phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi/xét tuyển theo danh mục học phần bổ sung kiến thức.

Ngành phù hợp	Ngành gần	Môn học bổ sung
- Kế toán - Kiểm toán - Kế toán – Kiểm toán	- Tài chính – Ngân hàng - Bảo hiểm - Công nghệ tài chính - Quản trị kinh doanh - Kinh doanh thương mại	1. Kế toán tài chính (2 TC) 2. Kế toán quản trị (2 TC) 3. Kiểm toán (2 TC) 4. Hệ thống thông tin kế toán (2 TC)

7. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán, học viên có thể đảm đương được các công việc:

- Trưởng phòng Kế toán, giám đốc tài chính ở các doanh nghiệp.
- Cán bộ quản lý ở các doanh nghiệp, cơ quan thuế và các tổ chức tài chính.
- Nghiên cứu viên và giảng viên các trường cao đẳng và đại học.

8. Kế hoạch đào tạo

8.1. Kế hoạch đào tạo theo định hướng nghiên cứu

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Số tín chỉ
Học kỳ 1				18
Học phần bắt buộc				14
1	100409	11100012	Triết học	4(4,0,0)
2	101505	18101048	Luật kinh doanh	2(2,0,0)
3	101509	12100021	Phương pháp nghiên cứu định tính	2(2,0,0)
4	102323	12200101	Lý thuyết kế toán	2(2,0,0)
5	102324	12200102	Kế toán tài chính nâng cao	2(2,0,0)
6	102327	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2(2,0,0)
Học phần tự chọn				4
1	100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2(2,0,4)
2	100450	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2(2,0,4)

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Số tín chỉ
3	100456	12100016	Quản trị dự án	2(2,0,4)
4	102329	12200109	Báo cáo tài chính nâng cao	2(2,0,0)
5	102395	12100027	Phân tích dữ liệu trong tài chính kế toán	2(2,0,0)
Học kỳ 2				21
Học phần bắt buộc				15
1	101510	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2(2,0,0)
2	102325	12200107	Kế toán quản trị nâng cao	2(2,0,0)
3	102326	12200108	Kiểm toán nâng cao	2(2,0,0)
4	102330	12207110	Chuyên đề nghiên cứu 1	3(0,3,0)
5	102331	12207111	Chuyên đề nghiên cứu 2	3(0,3,0)
6	103009	12100018	Kiểm soát nội bộ nâng cao	3(3,0,0)
Học phần tự chọn				6
1	100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2(2,0,4)
2	100444		Hệ thống thông tin quản lý	2(2,0,4)
3	100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0,4)
4	100449	12100009	Phân tích chính sách thuế	2(2,0,4)
5	100452	12100012	Tài chính quốc tế	2(2,0,4)
Học kỳ 3				21
Học phần bắt buộc				21
1	102332	12207112	Chuyên đề nghiên cứu 3	3(0,3,0)
2	102333	12204104	Thực tập	3(0,3,0)
3	102334	12209105	Luận văn	15(0,15,0)

8.2. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Số tín chỉ
Học kỳ 1				22
Học phần bắt buộc				12
1	100409	11100012	Triết học	4(4,0,0)
2	102323	12200101	Lý thuyết kế toán	2(2,0,0)
3	102324	12200102	Kế toán tài chính nâng cao	2(2,0,0)
4	102327	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2(2,0,0)
5	102329	12200109	Báo cáo tài chính nâng cao	2(2,0,0)
Học phần tự chọn				10
1	100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0,4)
2	100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2(2,0,4)
3	100451	12100011	Mô hình tài chính	2(2,0,4)
4	100452	12100012	Tài chính quốc tế	2(2,0,4)

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Số tín chỉ
5	102389	12100035	Nguyên lý ngân hàng	2(2,0,0)
6	102395	12100027	Phân tích dữ liệu trong tài chính kế toán	2(2,0,0)
7	102398	12200103	Kế toán chi phí nâng cao	2(2,0,0)
Học kỳ 2				22
Học phần bắt buộc				6
1	100449	12100009	Phân tích chính sách thuế	2(2,0,4)
2	101506	12100020	Kế toán quốc tế	2(2,0,0)
3	102325	12200107	Kế toán quản trị nâng cao	2(2,0,0)
Học phần tự chọn				16
1	100444		Hệ thống thông tin quản lý	2(2,0,4)
2	100450	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2(2,0,4)
3	100454	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	2(2,0,4)
4	100455	13100017	Quản trị danh mục đầu tư	2(2,0,4)
5	100456	12100016	Quản trị dự án	2(2,0,4)
6	101505	18101048	Luật kinh doanh	2(2,0,0)
7	101558		Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2(2,0,0)
8	101772	13100003	Khoa học lãnh đạo	2(2,0,0)
9	102326	12200108	Kiểm toán nâng cao	2(2,0,0)
10	103082		Marketing kỹ thuật số	2(2,0,0)
Học kỳ 3				16
Học phần bắt buộc				16
1	103010	12204107	Thực tập	8(0,8,0)
2	103011	12207106	Đề án	8(0,8,0)